

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HS-ST

Ngày: 13 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Nhàn;
Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa sơ thẩm công khai trực tiếp xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Văn T2**, sinh ngày 12/8/1993, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn H, sinh năm 1966 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; vợ tên: Nguyễn Thị O, sinh năm 1989 (không có đăng ký kết hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Vào ngày 17/4/2018, bị Công an huyện Tháp Mười xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả” và “Trộm cắp tài sản”; tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Ngô Thị Thanh** là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

* *Bị hại:*

Anh **Phan Trung K**, sinh năm 1984; địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Nguyễn Nhật A**, sinh năm 2000; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người làm chứng:*

Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1964; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt không có lý do)

Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1964; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt không có lý do)

Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 31-5-2024, Nguyễn T L điều khiển xe máy biển số 66MA-402.08 chở Phan Trung K từ khóm 2, thị trấn M đến nhà Trần Minh T ở khóm 1, thị trấn Mỹ An để uống rượu. Trên đường đi, K đặt chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S23 Ultra vào cốp xe. Khi đến nơi, K đậu xe cách nhà T khoảng 20m, khóa cốp xe rồi vào nhà uống rượu cùng L, T và bị cáo Hồ Văn T2. Từ vị trí K ngồi, không thể quan sát chiếc xe máy đậu bên ngoài.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, K đưa chìa khóa xe cho T2 nhờ dắt xe vào nhà T. Quá trình uống rượu, biết trong cốp xe có chiếc điện thoại, T2 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. T2 mở cốp xe lấy chiếc điện thoại và cất giấu trên người. Sau khi thực hiện hành vi, T2 quay lại đưa chìa khóa cho K mà không dắt xe vào nhà.

Khoảng 15 giờ, K mở cốp xe để kiểm tra thì phát hiện chiếc điện thoại đã bị mất. Nghi ngờ T2 là người lấy trộm, K cự cãi với T2 nhưng được T can ngăn. Sau đó, cả nhóm ra về.

Đến ngày 04-6-2024, T2 mang chiếc điện thoại đến tiệm cầm đồ Hậu tại khóm 1, thị trấn M và bán cho anh Nguyễn Nhật A với giá 8.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Anh K sau đó đến Công an thị trấn M, huyện T, trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận thông tin, Công an tiến hành xác minh, mời T2 đến làm việc. Tại đây, T2 thừa nhận đã lấy trộm chiếc điện thoại của K và bán cho Nhật A. Công an đã thu hồi chiếc điện thoại và trao trả lại cho K.

Theo Kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG ngày 20-6-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S23 Ultra màu đen có giá trị 12.050.000 đồng.

Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý các tài sản sau:

01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra màu đen và 01 hộp đựng điện thoại đã được Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho anh Phan Trung K, chủ sở hữu.

01 hợp đồng cầm đồ ghi ngày 28/4/2024.

Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản, anh K không yêu cầu bồi thường. Chủ tiệm cầm đồ, anh Nguyễn Nhật A yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 8.000.000 đồng đã đưa khi cầm điện thoại. Bị cáo T2 đồng ý nhưng đến nay vẫn chưa bồi thường.

- Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSTM ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Hồ Văn T2 ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Hồ Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn T2 hình phạt từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nhật A số tiền 8.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên xử: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 hợp đồng cầm đồ ghi ngày 28/4/2024.

- Bị cáo Hồ Văn T2 đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng của bị cáo là bản thân rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất, không áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để bị cáo chăm sóc cha mẹ và con nhỏ. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Nhật A số tiền 8.000.000 đồng.

- Luật sư Ngô Thị Thanh là người bào chữa cho bị cáo hoàn toàn thống nhất với nội dung Cáo trạng và phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát cũng như Quyết định khởi tố của Cơ quan điều tra đối với Hồ Văn T2 về tội danh “Trộm cắp tài sản”. Về các tình tiết giảm nhẹ và các tình tiết chứng cứ khác mà vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về mức hình phạt vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng theo khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mức phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù là nhẹ cho bị cáo để sớm về hòa nhập cộng đồng nên hoàn toàn thống nhất, không tranh luận. Bên cạnh đó, gia đình bị cáo thuộc diện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình phạt cân nhắc áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất. Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Nhật A số tiền 8.000.000 đồng nhưng chưa khắc phục được nên việc Viện kiểm sát đề nghị trả là phù hợp. Về án phí, do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn tiền án phí theo quy định.

- Bị hại Phan Trung K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, ngoài ra bị hại không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nhật A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nhật A yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 8.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Phan Trung K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nhật A và những người làm chứng Phạm Thị X, Nguyễn Thành L và Trần Minh T. Tuy nhiên, xét thấy đã có đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ vụ án, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng thời tại phiên tòa, bị cáo và Kiểm sát viên cũng đồng ý xét xử vắng mặt đối với những người này; do đó, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Hồ Văn T2 tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo là người đã T niên, có đầy đủ thể lực và trí lực nhận thức hành vi của mình; bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; tài sản mà bị cáo lấy trộm là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S23 Ultra màu đen có giá trị 12.050.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu T tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì bản chất lười biếng, với ý thức xem thường pháp luật, muốn mau chóng có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, bị cáo đã lợi dụng sự chủ quan của bị hại lén lút lấy trộm điện thoại di động nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong việc quản lý, bảo vệ tài sản trong nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo T người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có. Tuy nhiên, nhận thấy bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả*” và “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

[7] Cáo trạng số: 03/CT-VKSTM ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Hồ Văn T2 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo tại địa phương nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nhật A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của anh Nhật A. Xét thấy sự tự thỏa thuận bồi thường này giữa các bên là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với anh Nguyễn Nhật A, tại thời điểm mua điện thoại, không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo Hồ Văn T2 bị kết tội và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm cùng với án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, do bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn T2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn T2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Hồ Văn T2 bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nhật A số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải bồi thường cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 hợp đồng cầm đồ ghi ngày 28/4/2024.

4. Về án phí: Bị cáo Hồ Văn T2 được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA ^(Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Kim Oanh